

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Kim Thắm

2/ Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án Nhân Dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp Đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị Bích T

Địa chỉ: 157/59 đường Nam Kỳ Khởi N, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú tại: Khu vực Xẻo Vong B, phường Hiệp L, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Mai Văn T

Địa chỉ: Số 161 ấp Xẻo Cao B, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị Bích T trình bày: Do có phát sinh tình cảm với anh Mai Văn T nên chị T có nhờ anh T đứng tên giùm một chiếc xe mô tô đã qua sử dụng. Sau khi thỏa thuận với anh T thì chị và anh T cùng đến cửa hàng bán xe máy đã qua sử dụng Kim T tại địa chỉ số 14/16 đường Nguyễn Hùng P, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng mua một chiếc xe mô tô, gắn máy đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda AIRBLACK giá 28.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục chuyển tên sang xe anh T là người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô gắn máy mang biển số kiểm soát 95H1-58.208. Việc anh T đứng tên xe giùm chị không có lập thành văn bản, cũng không có ai biết, chị là người trả tiền mua xe. Ngoài ra, do dự định sẽ về sống chung với anh T nên vào khoảng tháng 7- 8 năm 2021 chị có gửi anh T cất giữ 01 cái giường có giá trị là 5.000.000 đồng; 01 cái nệm có giá trị là 2.000.000 đồng; 01 cái tủ nhỏ có giá trị 400.000 đồng; 01 cái kệ ti vi có giá trị 450.000 đồng; 01 bàn ủi có giá trị 250.000 đồng. Các tài sản này chị có thuê anh Nguyễn Đỗ T tại địa chỉ 250 đường Nguyễn Văn L, khu vực 3, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng chở lên nhà anh T. Tuy nhiên, do phát sinh mâu thuẫn nên không thể sống chung với nhau. Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh T trả lại số tài sản trên.

Tại phiên tòa chị Phan Thị Bích T yêu cầu anh T trả lại 01 chiếc xe mô tô gắn máy mang biển số kiểm soát 95H1-58.208 mang tên Mai Văn T; có 01 cái giường có kích thước 0,67m x 1,65m x x2m; 01 cái nệm cao su có kích thước 0,2m x 1,6m x 2m; 01 cái kệ ti vi có kích thước 0,77m x 0,34m x 0,5m theo kết quả thẩm định.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Mai Văn T trình bày: Anh không thống nhất với phần trình bày của chị T. Do quen biết với chị T và anh có ý định mua xe mô tô gắn máy đã qua sử dụng nên chị T có giới thiệu cho anh mua một chiếc xe mô tô gắn máy nhãn hiệu Honda AIRBLACK đã qua sử dụng với giá 28.000.000 đồng và anh đồng ý mua xe này. Anh và chị T đến cửa hàng bán xe mô tô gắn máy Kim T tại địa chỉ số 14/16 đường Nguyễn Hùng P, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để mua một chiếc xe nhãn hiệu Honda AIRBLACK giá 28.000.000 đồng như chị T đã giới thiệu, anh đưa tiền cho chị T kiểm để trả cho cửa hàng. Sau khi mua xe xong anh làm thủ tục sang tên và sử dụng cho đến nay không có tranh chấp. Đối với 01 cái nệm là do chị T đặt mua trên mạng internet nhưng anh là người trả tiền với số tiền là 1.900.000 đồng, còn

01 cái giường đã qua sử dụng anh mua lại của chị T giá 3.000.000 đồng và trả tiền xe vận chuyển là 450.000 đồng; 01 cái kệ ti vi là do chị T tặng cho anh. Các tài sản khác không có. Anh xác định các tài sản trên là của anh nên anh T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người làm chứng Nguyễn Đỗ T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022: Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2020, chị Phan Thị Bích T có nhờ anh chở hàng từ Sóc Trăng lên tỉnh Hậu Giang để giao cho anh Mai Văn T. Hàng hóa gồm, một chiếc giường đã gãy ra, 01 cái tủ nhỏ, một cái kệ và một số vật dụng gia đình mà anh không nhớ rõ do anh chở quá nhiều khách. Anh chỉ biết chị T là người kêu anh chở hàng còn chủ sở hữu là của ai thì anh không rõ. Do anh ở xa không thể đến tòa án nên yêu cầu xét xử vắng mặt, anh cam kết không khiếu nại về sau.

Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ đúng pháp luật, xác định tư cách đương sự là đúng quy định của pháp luật. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tuân đúng trình tự thủ tục phiên Tòa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Đối với người làm chứng vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí phía bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phan Thị Bích T khởi kiện yêu cầu anh Mai Văn T trả lại các tài sản gồm: 01 xe mô tô gắn máy mang biển số kiểm soát 95H1-58.208; 01 cái giường; 01 cái nệm; 01 cái kệ ti vi. Phía anh Mai văn T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp quyền sở hữu đòi lại tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do phía bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện Châu Thành A nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa

án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Đỗ T vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Bích T Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Phan Thị Bích T và anh Mai Văn T có giao kết gửi tài sản. Mặc dù thỏa thuận này không có lập thành văn bản nhưng khi mua xe chị T là người trực tiếp trả tiền xe và được chủ cửa hàng bán xe mô tô gắn máy Kim T xác nhận (bút lục 42). Anh T cho rằng anh là người giao tiền cho chị T trả tiền mua xe nhưng không được chị T thừa nhận, anh T không có chứng cứ khác chứng minh. Do đó có căn cứ buộc anh Trứ trả lại cho chị Thủy 01 xe mô tô gắn máy mang biển số kiểm soát 95H1-58.208. Chị T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe nhãn hiệu Honda AIRBLACK biển số kiểm soát số 95H1 – 582.08 mang tên Mai Văn T.

Đối với các tài sản khác gồm: 01 cái giường; 01 cái nệm; 01 cái kệ ti vi. Qua thẩm định ngày 28/4/2022 xác định tài sản hiện tại gồm có 01 cái giường đã qua sử dụng có kích thước 0,67m x 1,65m x x2m; 01 cái nệm cao su đã qua sử dụng có kích thước 0,2m x 1,6m x 2m; 01 cái kệ ti vi đã qua sử dụng có kích thước 0,77m x 0,34m x 0,5m; không có 01 cái tủ nhỏ và 01 bàn ủi. Tại phiên tòa chị T chỉ đòi anh Trứ trả lại 01 cái giường đã qua sử dụng có kích thước 0,67m x 1,65m x x2m; 01 cái nệm cao su đã qua sử dụng có kích thước 0,2m x 1,6m x 2m; 01 cái kệ ti vi đã qua sử dụng có kích thước 0,77m x 0,34m x 0,5m Hội đồng xét xử nhận thấy chị T cho rằng nhờ anh Nguyễn Đỗ T chõ giường, nệm, tủ lên nhà anh T, được anh T xác nhận. Anh T cho rằng anh mua của chị T nhưng chị T không được chị T thừa nhận anh cũng không có chứng cứ khác chứng minh. Do đó có căn cứ buộc anh T trả lại cho chị T 01 cái giường đã qua sử dụng có kích thước 0,67m x 1,65m x x2m; 01 cái nệm cao su đã qua sử dụng có kích thước 0,2m x 1,6m x 2m; 01 cái kệ ti vi đã qua sử dụng có kích thước 0,77m x 0,34m x 0,5m.

Về chi phí thẩm định và định giá: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên anh T phải chịu phí thẩm định, định giá là 2.200.000 đồng. Do

nguyên đơn chị T đã nộp tạm ứng lệ phí định giá nên anh T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T số tiền là 2.200.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí phía bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 164, Điều 166, Điều của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Bích T. Buộc anh Mai Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Bích T 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda AIRBLACK biển số kiểm soát 95H1 – 582.08, 01 cái giường đã qua sử dụng có kích thước 0,67m x 1,65m x 2m; 01 cái nệm cao su đã qua sử dụng có kích thước 0,2m x 1,6m x 2m; 01 cái kệ ti vi đã qua sử dụng có kích thước 0,77m x 0,34m x 0,5m. Chị T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe nhãn hiệu Honda AIRBLACK biển số kiểm soát số 95H1 – 582.08 mang tên Mai Văn T.

2. Về chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm:

Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc anh Mai Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phan Thị Bích T số tiền là 2.200.000 đồng.

Về án phí: Buộc anh Mai Văn T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Phan Thị Bích T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 902.500 đồng đã nộp theo biên lai số 0011676 ngày 14/02/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Đua